

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG DỰA TRÊN LĨNH VỰC 2 - KHUNG NĂNG LỰC SỐ CỦA UNESCO

Ngô Thị Huyền¹

¹ Phòng Đào tạo, Trường Đại học Lạc Hồng

* Tác giả liên hệ: huyenngo@lhu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 16/8/2025
Ngày hoàn thiện: 6/9/2025
Ngày chấp nhận: 13/9/2025
Ngày đăng: 15/9/2025

TỪ KHÓA

Giao tiếp và hợp tác;
Khung năng lực số;
UNESCO;
Sinh viên LHU;
Danh tính kỹ thuật số.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng dựa trên Lĩnh vực 2 - Khung năng lực số UNESCO, đồng thời đề xuất giải pháp cải thiện để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong kỷ nguyên số. Nghiên cứu, phân tích tài liệu kết hợp khảo sát định lượng là hai phương pháp được sử dụng chủ yếu trong bài báo này. Phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng để tổng hợp và đánh giá các nghiên cứu trước đó nhằm xác định cơ sở lý thuyết và các tiêu chí đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số. Khảo sát được thực hiện trên 304 sinh viên, sử dụng bảng hỏi được thiết kế dựa trên các tiêu chí tại Lĩnh vực 2- Khung năng lực số UNESCO, và phân tích thống kê mô tả để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên. Kết quả cho thấy, năng lực giao tiếp và hợp tác số của sinh viên đạt mức cơ bản, nhưng mức độ đáp ứng các tiêu chí cụ thể không đồng đều. Điều này cho thấy sự cần thiết phải có những giải pháp cụ thể để nâng cao năng lực giao tiếp, hợp tác số cho sinh viên

ASSESSMENT OF COMMUNICATION AND COLLABORATION SKILLS IN A DIGITAL ENVIRONMENT OF STUDENTS AT LAC HONG UNIVERSITY BASED ON AREA 2 - UNESCO DIGITAL LITERACY SKILLS FRAMEWORK

Ngô Thị Huyền^{1*}

¹ Office of Academic Affairs, Lac Hong University, Việt Nam

*Corresponding Author: huyenngo@lhu.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: Aug 16th, 2025
Revised: Sep 6th, 2025
Accepted: Sep 13rd, 2025
Published: Sep 15th, 2025

KEYWORDS

Communication and collaboration skills;
Digital literacy skills framework;
UNESCO;
LHU Students;
Digital Identity.

ABSTRACT

This study aims to assess the communication and collaboration skills in a digital environment of students at Lac Hong University based on Area 2 - UNESCO Digital Literacy Skills Framework, and to propose improvement solutions to meet the demands of the labor market in the digital era. The research combines document analysis and quantitative surveys as the primary methods used in this paper. Document analysis is utilized to synthesize and evaluate previous studies to establish the theoretical foundation and evaluation criteria for communication and collaboration skills in a digital environment. The survey was conducted on 304 students, using a questionnaire designed based on the criteria in Area 2 - UNESCO Digital Literacy Skills Framework, and descriptive statistical analysis was used to assess the students' level of compliance. The results indicate that the students' digital communication and collaboration skills are at a basic level, but the degree of compliance with specific criteria is uneven. This suggests the necessity for specific solutions to enhance the digital communication and collaboration skills of students.

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

1. GIỚI THIỆU

Trong xã hội hiện đại, dưới tác động của khoa học công nghệ mà trực tiếp là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, quá trình giao tiếp và hợp tác của con người không còn bị giới hạn bởi không gian địa lý. Thay vào đó, không gian giao tiếp và hợp tác của con người được “nhân đôi” với sự xuất hiện của công nghệ số. Trong bối cảnh đó, hiểu và vận dụng được các quy tắc giao tiếp, ứng xử và các kỹ năng tương tác trên môi trường số là một yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển, thành công của các cá nhân trong tương lai.

Xu thế toàn cầu hoá đã đưa thế giới xích lại gần nhau hơn, sự tương tác, hội nhập giữa các nhóm cộng đồng do đó cũng diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Nâng cao năng lực giao tiếp và hợp tác nói chung, năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số nói riêng được các quốc gia hết sức quan tâm, coi là một trong những nền tảng quan trọng để phát triển nguồn lực lao động bền vững, quyết định đến khả năng kết nối tri thức và thông tin trong cuộc cách mạng 4.0. Nhưng cũng chính trong bối cảnh đó, lao động Việt Nam bắt đầu bộc lộ những hạn chế, nhất là trong năng lực giao tiếp và hợp tác. Điều này đã được nhiều nghiên cứu chỉ ra [1-2-3-4]. Vì vậy, nâng cao năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số cho người lao động ngay từ khi họ còn là học sinh, sinh viên ngồi trên ghế nhà trường là việc làm cấp bách.

Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu (tổng hợp các kết quả nghiên cứu đã có về năng lực số, năng lực giao tiếp của sinh viên trong môi trường số), phương pháp khảo sát, thống kê mô tả, trong báo này, tác giả tập trung nêu bật thực trạng năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng thông qua cảm nhận của họ dựa trên các tiêu chí được chỉ ra trong Nhóm 2 - Khung năng lực số của UNESCO, từ đó đưa ra một số đánh giá bước đầu và khuyến nghị những giải pháp cần thiết để cải thiện năng lực số cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

2. NỘI DUNG

2.1 Tổng quan về năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số

Giao tiếp và hợp tác là một nhóm năng lực quan trọng của con người trong xã hội hiện đại, là một trong những giải pháp chủ yếu để con người chung sống, phát triển. Trong bối cảnh các công cụ số trở nên phổ biến, giao tiếp và hợp tác trong môi trường số được coi là một trong các kỹ năng cốt lõi của công dân, thúc đẩy con người hòa nhập, chia sẻ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc của mình và đóng góp vào các cuộc thảo luận và tranh luận, cùng làm việc và chung sống trong môi trường số. Vì vậy, những năm gần đây, có nhiều nghiên cứu quan tâm vấn đề năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.

Các nghiên cứu không những tìm kiếm, bổ sung về mặt nội hàm cho khái niệm “năng lực số” mà còn cố gắng xây dựng các mô hình, khung năng lực số để áp dụng cho các nhóm đối tượng khác nhau. Tuy rằng, mỗi khung năng lực số được xây dựng dựa trên các quan điểm khác nhau về kiến thức số cũng như tùy thuộc vào đối tượng, phạm vi áp dụng nhưng các khung năng lực số phổ biến hiện nay đều quan tâm đến năng lực giao tiếp và hợp tác, xem đây

là nhóm năng lực quan trọng, không thể thiếu của một công dân số.

Khung năng lực số của Hội đồng Thủ thư Đại học Úc (CAUL - Council of Australian University Librarians) đưa ra 6 nhóm năng lực số cần thiết cho công dân [5], gồm: 1/ Khả năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; 2/ Học tập và phát triển kỹ năng số; 3/ Sáng tạo số, giải quyết vấn đề và đổi mới; 4/ Hợp tác, truyền thông và hội nhập; 5/ Năng lực thông tin, năng lực truyền thông, năng lực và hiểu biết về dữ liệu; 6/ Danh tính số và cảm nhận hạnh phúc. Trong đó, nhóm 4 nhấn mạnh năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số. Nội hàm của nó yêu cầu về các khả năng thực thi như: Giao tiếp hiệu quả trong không gian và môi trường số. Tham gia vào các đội nhóm làm việc dưới dạng số. Sử dụng các công cụ làm việc chung để cộng tác, tạo ra các tài liệu chung và làm việc hiệu quả, vượt qua rào cản về văn hóa, xã hội và ngôn ngữ. Tham gia, tạo điều kiện và xây dựng các mạng lưới (số).

Khung năng lực số của Hội đồng Châu Âu (European Digital Competence Framework for Citizens – DigComp) tập trung hướng đến cung cấp sự hiểu biết cũng như định hướng phát triển năng lực số cho các công dân tại châu Âu, với 5 khía cạnh chủ yếu: 1/ Thông tin và dữ liệu; 2/ Giao tiếp và hợp tác; 3/ Tạo lập nội dung số; 4/ An toàn; và 5/ Giải quyết vấn đề. Trong đó, năng lực giao tiếp và hợp tác đòi hỏi về khả năng: Tương tác thông qua các công nghệ; Chia sẻ thông tin và nội dung; Tham gia với tư cách công dân trực tuyến; Cộng tác thông qua các kênh kỹ thuật số; Tuân thủ các nghi thức mạng; Quản lý nhận diện kỹ thuật số [6].

Khung kiến thức số của British Columbia [7] đưa ra cách nhìn tổng thể về những kiến thức số mà học sinh cần phải có tại những giai đoạn khác nhau trước khi vào đại học. Giao tiếp và hợp tác là một nội dung quan trọng trong 6 nội dung kiến thức mà khung năng lực số này đề cập, trong đó yêu cầu học sinh phải sử dụng được phương tiện và môi trường kỹ thuật số để giao tiếp và hợp tác, kể cả ở khoảng cách xa, để hỗ trợ việc học cá nhân và đóng góp cho việc học của người khác. Nội dung này đòi hỏi học sinh phải có kỹ năng về hợp tác và giao tiếp gián tiếp bằng công nghệ hiệu quả.

Belshaw (2014) xây dựng mô hình kiến thức số với 8 yếu tố cần thiết (Mô hình 8C's), gồm: văn hoá, nhận thức, kiến thức, giao tiếp, tự tin, sáng tạo, phân tích và công dân. Trong mô hình này, Belshaw đưa ra 8 yếu tố của kiến thức số như 8 mục đích một người có kiến thức số cần thực hiện chứ không đi vào phân tích các kỹ năng của kiến thức số cũng như các năng lực mà một người hiểu biết về kiến thức số cần phải có [8].

Năm 2018, dựa trên khung năm miền năng lực số của Ủy ban Châu Âu (DigComp 2.0), UNESCO đã tiến hành một cuộc khảo sát về năng lực số trên 47 quốc gia. Kết quả thu được cho thấy có sự đa dạng về các năng lực số mà những quốc gia này đang sử dụng. UNESCO đã xây dựng Khung năng lực toàn cầu về năng lực số, trong đó đề xuất thêm 2 lĩnh vực năng lực, đó là 0 - Vận hành thiết bị số/Devices and software operations; và 6 liên quan đến nghề nghiệp là Năng lực định hướng nghề nghiệp liên quan/Devices and software operations. Các lĩnh vực năng

lực trong Khung năng lực số này cũng được UNESCO chia ra các năng lực thành phần và mô tả chi tiết các biểu hiện của từng năng lực thành phần [9].

Năng lực giao tiếp và hợp tác được thể hiện ở lĩnh vực 2 thuộc Khung năng lực số của UNESCO được thể hiện qua 6 tiêu chuẩn và được mô tả như bảng 1.

Bảng 1. Bảng mô tả các năng lực thành phần của Lĩnh vực 2, Khung năng lực số của UNESCO

Lĩnh vực năng lực và năng lực/ Competence areas and competences	Mô tả/Description
2. Giao tiếp và hợp tác/Communication and collaboration	Tương tác, giao tiếp và cộng tác thông qua công nghệ kỹ thuật số đồng thời nhận thức được văn hóa và sự đa dạng thể hệ. Tham gia vào xã hội thông qua các dịch vụ kỹ thuật số công cộng và tư nhân và quyền công dân có sự tham gia. Quản lý danh tính và danh tiếng kỹ thuật số
2.1. Tương tác thông qua các thiết bị số	Tương tác thông qua nhiều công nghệ kỹ thuật số và hiểu các phương tiện truyền thông kỹ thuật số phù hợp cho bối cảnh nhất định
2.2. Chia sẻ thông qua công nghệ số.	Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số với người khác thông qua các công nghệ kỹ thuật số phù hợp. Đóng vai trò trung gian, biết về các hoạt động tham khảo và phân bổ.
2.3. Tham gia với tư cách công dân thông qua công nghệ số.	Tham gia vào xã hội thông qua việc sử dụng các dịch vụ kỹ thuật số công cộng và tư nhân. Tìm kiếm cơ hội tự trao quyền và quyền công dân có sự tham gia thông qua các công nghệ kỹ thuật số phù hợp.
2.4. Hợp tác thông qua công nghệ số.	Sử dụng các công cụ và công nghệ kỹ thuật số cho các quy trình hợp tác cũng như để cùng xây dựng và đồng sáng tạo các nguồn lực và kiến thức.
2.5. Chuẩn mực giao tiếp.	Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và bí quyết khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số và tương tác trong môi trường kỹ thuật số. Điều chỉnh các chiến lược truyền thông cho phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức được sự đa dạng về văn hóa và thể hệ trong môi trường kỹ thuật số.
2.6. Quản lý định danh cá nhân	Tạo và quản lý một hoặc nhiều danh tính kỹ thuật số, để có thể bảo vệ danh tiếng của chính mình, xử lý dữ liệu mà người đó tạo ra thông qua một số công cụ, môi trường và dịch vụ kỹ thuật

số.

Từ việc nghiên cứu các định nghĩa về năng lực số, tìm hiểu các khung năng lực số trên thế giới, Lê Anh Vinh và cộng sự đã đề xuất khung năng lực số cho học sinh phổ thông Việt Nam với 7 lĩnh vực năng lực, trong đó, tại lĩnh vực 2 mô tả chi tiết về năng lực giao tiếp và hợp tác [7].

Trên cơ sở nghiên cứu các số khung năng lực số đang được sử dụng phổ biến hiện nay trên thế giới, đồng thời tham khảo cách tiếp cận của Meta trong các khóa học We Think Digital, tác giả Đỗ Văn Hùng và cộng sự đã đề xuất một mô hình khung năng lực số cho sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) gồm 7 nhóm năng lực (Vận hành thiết bị và phần mềm; Khai thác thông tin và dữ liệu; Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; An toàn và an sinh số; Sáng tạo nội dung số; Học tập và phát triển kỹ năng số; Sử dụng năng lực số cho nghề nghiệp) với 26 tiêu chuẩn, trong đó nhóm thứ 3 chỉ ra các tiêu chuẩn về giao tiếp và hợp tác trong môi trường số [10].

Điểm chung của các khung năng lực số nói trên là đều coi giao tiếp và hợp tác là một trong những nhóm năng lực cần phải có đối với một công dân số, để có thể “tham gia một cách tích cực, phản biện và thông thạo vào môi trường kỹ thuật số, dựa trên các kỹ năng giao tiếp hiệu quả và sáng tạo, thực hành các hình thức tham gia xã hội để tôn trọng quyền và phẩm giá con người thông qua việc sử dụng công nghệ có trách nhiệm” [11].

Những nghiên cứu nói trên chủ yếu tiếp cận và đánh giá năng lực số nói chung, nhấn mạnh tầm quan trọng của các kỹ năng giao tiếp và hợp tác như kỹ năng của thế kỷ 21.

Trong phạm vi bài báo này, tác giả tập trung khảo sát các năng lực của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng thông qua cảm nhận của họ theo các tiêu chí ở Lĩnh vực 2 Khung năng lực số của UNESCO - Giao tiếp và hợp tác/Communication and collaboration. Các tiêu chí mà bài báo tập trung xem xét và phân tích gồm: Tương tác thông qua nhiều công nghệ kỹ thuật số và hiểu các phương tiện truyền thông kỹ thuật số phù hợp cho bối cảnh nhất định; Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số với người khác thông qua các công nghệ kỹ thuật số phù hợp; Sử dụng các công cụ và công nghệ kỹ thuật số cho các quy trình hợp tác cũng như để cùng xây dựng và đồng sáng tạo các nguồn lực và kiến thức; Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và bí quyết khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số và tương tác trong môi trường kỹ thuật số. Nhận thức được sự đa dạng về văn hóa và thể hệ trong môi trường kỹ thuật số; Tạo và quản lý một hoặc nhiều danh tính kỹ thuật số, để có thể bảo vệ danh tiếng của chính mình, xử lý dữ liệu mà người đó tạo ra thông qua một số công cụ, môi trường, dịch vụ kỹ thuật số.

Khác với nghiên cứu của Huang, M (2024) khi nhấn mạnh sự cần thiết phải hiểu biết sâu sắc về những khác biệt văn hoá để thúc đẩy giao tiếp đa văn hóa hiệu quả và nâng cao sự nhạy cảm văn hóa trong thời đại kỹ thuật số [12], bài báo này tập trung vào đánh giá thực trạng năng lực giao tiếp và hợp tác của sinh viên trong môi trường số, lấy khung tham chiếu của UNESCO.

So với nghiên cứu của Phạm Văn Tuấn (2015) tại Đại học Trà Vinh, tập trung vào năng lực giao tiếp truyền thống [13], nghiên cứu này mở rộng phạm vi sang năng

lực giao tiếp số, một yếu tố then chốt trong thời đại công nghệ. Kết quả khảo sát tại Đại học Lạc Hồng cho thấy sinh viên đạt mức cơ bản theo tiêu chuẩn UNESCO.

So với nghiên cứu của Botturi (2019) và Reisoğlu & Çebi (2020), tập trung vào hướng dẫn sinh viên về truyền thông xã hội, an toàn trực tuyến và quản lý danh tính số [14-15], bài báo này mở rộng phạm vi sang khảo sát thực tế năng lực giao tiếp và hợp tác số của sinh viên. Việc phát hiện sự không đồng đều trong năng lực của sinh viên Đại học Lạc Hồng cũng là một điểm mới, cho thấy sự khác biệt so với các nghiên cứu trước đây.

Nghiên cứu này không chỉ bổ sung vào bức tranh toàn cảnh về năng lực số của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng, mà còn nhấn mạnh sự cần thiết của việc phát triển các chương trình đào tạo phù hợp, nhằm thu hẹp khoảng cách năng lực và nâng cao khả năng thích ứng của sinh viên của Trường trong kỷ nguyên số.

2.2 Thực trạng năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng theo Khung năng lực số của UNESCO

Trường Đại học Lạc Hồng hiện nay có hơn 8000 sinh viên đang theo học thuộc các ngành, hệ đào tạo khác nhau, trong đó, sinh viên thuộc thế hệ Gen Z chiếm đa số. Tác giả bài báo đã khảo sát về năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số của sinh viên đang theo học các ngành tại Trường Đại học Lạc Hồng, gồm các sinh viên từ năm thứ nhất đến sinh viên năm cuối.

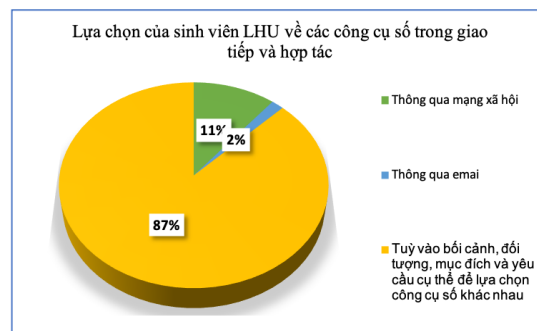
Mục đích khảo sát: Đánh giá mức độ đạt được về năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng theo các tiêu chí trong Lĩnh vực 2 Khung năng lực số của UNESCO, từ đó khuyến nghị một số giải pháp nhằm cải thiện năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số cho sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng, góp phần triển khai hiệu quả hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Đối tượng khảo sát: Khảo sát ngẫu nhiên 304 sinh viên đang theo học từ năm thứ nhất đến năm 4 ở các lớp đại học chính quy, tất cả các ngành tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Nội dung khảo sát, bao gồm: 1/ Sự lựa chọn công cụ số phục vụ cho các mục đích khác nhau của sinh viên; 2/ Công cụ ưu tiên cho mỗi công việc; 3/ Mức độ sử dụng công cụ số vào quá trình học tập/làm việc và mức độ tương tác, chia sẻ của sinh viên trong các nhóm/cộng đồng trực tuyến mà sinh viên là thành viên; 4/ Mức độ thực hiện trách nhiệm cá nhân về các quy tắc ứng xử trong môi trường số; 5/ Cảm nhận của sinh viên về mức độ mà họ đạt được trong việc thiết lập và quản lý danh tính cá nhân trong môi trường số.

Kết quả khảo sát về năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng thể hiện qua các bảng, biểu đồ dưới đây:

Thứ nhất, với câu hỏi “Trong hoạt động giao tiếp, hợp tác trên môi trường số, bạn thường sử dụng công cụ/nền tảng nào?”. Kết quả thể hiện ở Biểu đồ 1:



Biểu đồ 1. Các công cụ số được sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng lựa chọn làm phương tiện giao tiếp và hợp tác trực tuyến

Biểu đồ 1 cho thấy một bức tranh đa chiều về năng lực thích ứng của sinh viên trong môi trường số. Đáng chú ý, 87,0% sinh viên thể hiện khả năng linh hoạt trong việc lựa chọn công cụ số, dựa trên bối cảnh, đối tượng, mục đích và yêu cầu giao tiếp. Điều này cho thấy sinh viên đã nhận thức được sự đa dạng của các công cụ số và biết cách tận dụng chúng một cách hiệu quả. Sự linh hoạt này là một yếu tố quan trọng trong giao tiếp số, vì nó cho phép sinh viên thích ứng với các tình huống khác nhau và tối ưu hóa hiệu quả giao tiếp.

Tuy nhiên, 11,0% sinh viên vẫn chủ yếu sử dụng mạng xã hội cho mọi quá trình giao tiếp và hợp tác. Điều này đặt ra một số vấn đề cần được xem xét.

Thứ hai, về các công cụ số được ưu tiên lựa chọn cho các tình huống trong giao tiếp và hợp tác, kết quả thu thập từ khảo sát được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Công cụ số được sinh viên ưu tiên lựa chọn cho các mục đích và nhu cầu cụ thể

Tình huống lựa chọn	Số lượng sinh viên chọn công cụ số ưu tiên				Tỷ lệ %
	Email	Mạng xã hội	Gọi điện	Khác	
Nộp bài kiểm tra cho giảng viên (có các tập tin)	208	90	5	1	68,4
Chia sẻ các thông tin thông thường	7	265	30	2	87,2
Cung cấp, chia sẻ thông tin cấp bách	0	98	203	3	66,8
Giải trí	0	278	0	26	91,4

Từ Bảng 2 cho thấy, sinh viên có khả năng lựa chọn công cụ phù hợp với từng mục đích và bối cảnh giao tiếp, thể hiện qua tỷ lệ cao lựa chọn email (68,4%) cho việc nộp bài kiểm tra, phản ánh sự nhận thức về tính chính thức và khả năng lưu trữ của công cụ này. Sự ưu tiên sử dụng mạng xã hội (87,2%) cho các thông tin thông thường và giải trí (91,4%) cho thấy sự phổ biến và tính tiện lợi của nền tảng này trong đời sống sinh viên. Đặc biệt, tỷ lệ cao sinh viên lựa chọn “gọi điện trực tiếp” (66,8% cho

tình huống cấp bách và 64,5% cho thông tin có tính chất cấp bách) phản ánh sự nhận thức về tính khẩn cấp và hiệu quả của phương thức này trong việc truyền tải thông tin quan trọng. Điều này cũng cho thấy sự cân bằng trong việc lựa chọn công cụ, dù sinh viên ưu tiên công cụ giao tiếp trực tuyến nhưng vẫn không quên tận dụng các phương thức giao tiếp truyền thống khi cần thiết.

Có thể thấy, sinh viên Đại học Lạc Hồng đã có nhận thức và kỹ năng số ở mức tương đối tốt, nhưng vẫn cần được cải thiện để đáp ứng yêu cầu của môi trường làm việc số hóa ngày càng cao.

Thứ ba, về mức độ sử dụng các nền tảng để giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, kết quả khảo sát cho thấy sự phổ biến của công nghệ số trong môi trường làm việc nhóm, với 97,7% sinh viên (n=304) báo cáo sử dụng thường xuyên. Tuy nhiên, phân tích sâu hơn cho thấy sự phân bố không đồng đều trong các hành vi cụ thể. Theo đó, tỷ lệ sinh viên thường xuyên tham gia vào các hoạt động tương tác cơ bản như trò chuyện nhóm chỉ chiếm 47,1%, vào nhóm để tiếp nhận thông tin chiếm 67,1%, thường xuyên chia sẻ thông tin trong các nhóm chung chỉ chiếm 37,7%, điều này đặt ra câu hỏi về mức độ tham gia chủ động và đóng góp của sinh viên trong các môi trường hợp tác số.

Sự khác biệt này xuất phát từ nhiều yếu tố. Khi được hỏi “Tại sao không gửi tin nhắn, trình bày quan điểm trong nhóm trò chuyện?”, “Tại sao bạn nhắn tin, gặp riêng giáo viên, trong khi vấn đề của bạn có thể được xem xét và xử lý rất nhanh khi gửi vào nhóm chung?”, có 25 sinh viên cho biết họ “e ngại”, và thấy “không thoải mái” khi nhắn vào nhóm chung, 53 sinh viên cho biết “sợ phiền các bạn khác”, 17 sinh viên đưa ra lý do “không biết trình bày thế nào”, 4 sinh viên nói “không cần thiết phải chia sẻ quan điểm/hoàn cảnh cá nhân với tất cả những người trong nhóm”,... Như vậy, sinh viên có thể cảm thấy thiếu tự tin hoặc ngại chia sẻ thông tin do lo sợ bị đánh giá tiêu cực; 2. Họ có thể thiếu động lực hoặc nhận thức về giá trị của việc chia sẻ thông tin trong môi trường nhóm; 3. Họ có thể thiếu kỹ năng hoặc kinh nghiệm trong việc lựa chọn và trình bày thông tin một cách hiệu quả. Kết quả này kết quả này cho thấy sự cần thiết của việc thúc đẩy văn hóa chia sẻ thông tin trong môi trường học tập và làm việc số.

Thứ tư, với nội dung câu hỏi “khi tham gia môi trường số, thái độ và hành vi của bạn trong các tình huống được nêu ở mức độ nào (với ba mức lựa chọn “luôn luôn”, “thỉnh thoảng”, “không bao giờ”)”? Kết quả khảo sát cho thấy, trong quá trình tương tác trên các nền tảng số, phần lớn sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng đã nhận thức được và có hành vi phù hợp với các quy tắc cộng đồng. Kết quả thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Thái độ và hành vi của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng về các quy tắc ứng xử trên nền tảng số

Thái độ và hành vi ứng xử của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng trên môi trường số	Mức độ “luôn luôn”	Tổng số người trả lời	Tỷ lệ (%)
Thân thiện, lịch sự, tôn trọng và luôn cẩn thận với việc sử dụng ngôn từ	258	304	84,9

Nhắc nhở gia đình, bạn bè về các quy tắc hành vi ứng xử trên internet	143	304	47,0
Xem xét lại các nội dung đăng tải trên trang cá nhân cũng như các tương tác trên internet	210	304	69,1
Quan tâm đến sự đa dạng về văn hóa và thể hệ trong môi trường số	184	304	60,5

Kết quả trong bảng 3 cho thấy, phần lớn sinh viên (84,9%) thể hiện sự thân thiện, lịch sự và cẩn trọng trong việc sử dụng ngôn từ trực tuyến, phản ánh sự nhận thức cao về các quy tắc ứng xử cơ bản trên không gian mạng. Tương tự, tỷ lệ cao sinh viên (69,1%) thực hiện việc xem xét lại nội dung đăng tải và tương tác trực tuyến cho thấy sự chú trọng đến việc duy trì hình ảnh cá nhân và tránh các hành vi gây tranh cãi. Sự nhận thức về đa dạng văn hóa và thể hệ (60,5%) cũng là một điểm nổi bật và tích cực, cho thấy sinh viên đã bắt đầu nhận ra sự khác biệt trong môi trường số và có gắng thích ứng.

Điều đáng chú ý là sự chênh lệch lớn giữa nhận thức cá nhân và trách nhiệm cộng đồng. Chỉ có 47,0% sinh viên thường xuyên nhắc nhở người thân và gia đình về trách nhiệm trực tuyến, cho thấy một khoảng trống trong việc lan tỏa ý thức trách nhiệm số. Điều này cho thấy, sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng đã có ý thức về trách nhiệm cá nhân trong môi trường số, nhưng chưa thực sự coi mình là một thành viên tích cực của cộng đồng số. Cần có các biện pháp can thiệp để khuyến khích sinh viên đóng vai trò là những người dẫn dắt và lan tỏa ý thức trách nhiệm số đến những người xung quanh.

Thứ năm, về kỹ năng bảo mật thông tin cá nhân, kỹ năng nhận diện và chọn lọc thông tin, kỹ năng xây dựng hình ảnh cá nhân trên môi trường số, kết quả khảo sát cho thấy nhận thức và năng lực trong việc quản lý thông tin số của sinh viên ở mức cao. Theo đó, có 268/304 (88,2%) tham gia khảo sát có kỹ năng bảo mật tốt thông tin cá nhân trên môi trường mạng xã hội. Có 281/304 (tỷ lệ 92,4%) sinh viên cho biết đã phân biệt tốt các nguồn thông tin (tin thật, tin giả, tin độc hại) trên môi trường mạng xã hội, 97,0% sinh viên được hỏi cho biết họ có kỹ năng chọn lọc thông tin để phục vụ học tập của bản thân.

Tuy nhiên, chỉ có 23,7% sinh viên được hỏi cho biết, họ đã chú ý xây dựng hình ảnh cá nhân một cách tích cực trên môi trường số. Kết quả này đặt ra một vấn đề quan trọng. Trong thời đại mà danh tiếng trực tuyến có ảnh hưởng lớn đến cơ hội học tập và nghề nghiệp, việc thiếu chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh cá nhân có thể gây ra những hậu quả tiêu cực.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy bức tranh chung về năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng: Linh hoạt trong lựa chọn công cụ số, nhận thức rõ ràng về tính chính thức của email và sự tiện lợi của mạng xã hội, đồng thời biết ưu tiên gọi điện trực tiếp cho các tình huống khẩn cấp. Tuy nhiên, sự tham gia chủ động vào các hoạt động hợp tác nhóm còn hạn chế, phản ánh thiếu tự tin và kỹ năng chia sẻ thông tin. Mặc dù có ý thức tốt về quy tắc ứng xử trực tuyến và

bảo mật thông tin, sinh viên chưa thể hiện trách nhiệm lan tỏa văn hóa số tích cực và xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp. Cần có các biện pháp can thiệp để thúc đẩy văn hóa chia sẻ thông tin, nâng cao trách nhiệm cộng đồng và kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân trong môi trường số.

2.3 Những vấn đề còn tồn tại

Từ kết quả khảo sát, có thể thấy, bên cạnh những năng lực thành phần đã đạt được, một bộ phận sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng đã bộc lộ những hạn chế trong quá trình giao tiếp và hợp tác trên môi trường số.

Theo đó, có đến 29,6% sinh viên được hỏi (90/304 người trả lời) cho biết họ thường sử dụng mạng xã hội (cụ thể là zalo, tiktok, facebook) để nộp bài kiểm tra cho giáo viên. Trong khi đó, mạng xã hội - với đặc thù là tính tạm thời - thì không phải là công cụ được khuyến nghị cho những hoạt động quan trọng này. Thông qua phỏng vấn ngẫu nhiên 20 sinh viên trong nhóm này thì có 9 sinh viên cho biết sau khi gửi bài tập qua zalo cho giảng viên, họ đã xóa file gốc trên máy tính/điện thoại dù chưa nhận được phản hồi “đã nhận bài tập” từ giảng viên. Trong số này, 5 sinh viên gặp sự cố, trong đó 2/9 sinh viên đã phải làm lại bài tập vì phía giảng viên không mở được file từ đường link do file gốc bị xóa bởi người gửi, 3/9 sinh viên bị giảng viên bỏ sót bài tập do chế độ xóa tin nhắn tự động. Những sự cố này đã gây ra sự phiền phức không đáng có và mất thời gian của cả giảng viên và sinh viên. Thực trạng này cho thấy sinh viên chưa nhận diện đầy đủ những góc khuất của các công cụ số này. Vì vậy, họ chưa có được lựa chọn tối ưu các công cụ để phục vụ cho học tập và công việc trong môi trường số.

Ứng xử văn minh trên môi trường số là trách nhiệm của người dùng, được quy định cụ thể trong Luật An ninh mạng (2018) và Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội (2021), tuy nhiên, có đến 50,3% sinh viên không quan tâm hoặc chỉ thỉnh thoảng nhắc nhở gia đình, người thân về các quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Có 39,5% sinh viên thỉnh thoảng hoặc không bao giờ quan tâm về sự đa dạng văn hoá trong môi trường số. Điều này cho thấy năng lực giao tiếp và hợp tác của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng trong môi trường số là chưa đồng đều, một số năng lực thành phần chưa đáp ứng yêu cầu cơ bản. Những hạn chế này nếu không được cải thiện sẽ trở thành rào cản, ít nhiều tác động tiêu cực và hạn chế sự phát triển của họ khi tham gia học tập, làm việc trong môi trường số ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

2.4 Khuyến nghị các nội dung và giải pháp phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng theo các tiêu chí Lĩnh vực 2, Khung năng lực số của UNESCO

Nhà trường có trách nhiệm chính trong việc cung cấp các chương trình, dịch vụ giáo dục nhằm trang bị năng lực số nói chung, năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số nói riêng cho sinh viên của mình. Nhà trường có trách nhiệm cung cấp chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, hạ tầng công nghệ thông tin và tạo dựng không gian phù hợp để sinh viên có nhiều trải nghiệm, từ đó lĩnh hội, thực hành, rèn luyện và hình thành đầy đủ các năng lực thành phần về giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, gồm: 1/ Phát triển chương trình đào tạo và xây dựng lộ

trình phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác trong môi trường số cho sinh viên ngay từ năm đầu tiên, đồng thời có sự mở rộng, nâng cao các yêu cầu về giao tiếp và hợp tác trong môi trường số đối với sinh viên ở các năm tiếp theo; 2/ Đầu tư nhiều hơn, trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và sử dụng đa dạng các nền tảng số. Điều này nhằm đảm bảo sinh viên của Trường luôn có cơ hội lựa chọn nền tảng phù hợp để học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; 3/ Đa dạng hoá các hoạt động trải nghiệm, thực hành về giao tiếp và hợp tác trong môi trường số cho sinh viên. Những hoạt động này sẽ giúp sinh viên của Trường phát hiện những sở trường, những hạn chế của cá nhân ở mỗi nền tảng số. Những hoạt động này cũng tạo cơ hội cho sinh viên trình bày, chia sẻ và hợp tác trong môi trường số; 4/ Phát triển đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập có kỹ năng giao tiếp và hợp tác trong môi trường số. Bằng những cách khác nhau, đội ngũ giảng viên có năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số sẽ hướng dẫn sinh viên của mình sử dụng các nền tảng số một cách hiệu quả, hỗ trợ sinh viên phát triển kỹ năng số, tạo cơ hội để sinh viên được trải nghiệm, thực hành kỹ năng số. Ngoài ra, thông qua những câu chuyện thành công về giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, giảng viên còn góp phần truyền cảm hứng và khuyến khích sinh viên ứng dụng công nghệ số vào cuộc sống; 5/ Phát triển các mối quan hệ với các đối tác, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ. Mạng lưới đối tác không những là thị trường việc làm cho sinh viên trong tương lai, mà còn là môi trường thực tế và tốt nhất cho sinh viên thực hành, trải nghiệm, phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác trong quá trình học tập.

Từ kết quả khảo sát và bằng quá trình quan sát lâu dài, bài báo này khuyến nghị những giải pháp chủ yếu sau đây nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho sinh viên trong môi trường số theo Lĩnh vực 2- Khung năng lực số của UNESCO:

Về phía Nhà trường:

Hiện nay, trong chương trình đào tạo của Trường, ngoài các môn bắt buộc, sinh viên được học các khóa học về kỹ năng mềm. Tuy nhiên, nội dung về giao tiếp và hợp tác trong môi trường số vẫn còn mờ nhạt. Thực tiễn cũng chứng minh, việc học kỹ năng cần được đa dạng, trong nhiều môi trường, bối cảnh khác nhau và ưu tiên các trải nghiệm. Vì vậy, tùy vào đặc thù của mỗi ngành, việc cung cấp chương trình đào tạo kỹ năng giao tiếp và hợp tác trong môi trường số cho người học cũng cần linh hoạt. Có thể thiết kế thành một chuyên đề riêng, cũng có thể lồng ghép, tích hợp các nội dung liên quan đến giao tiếp, hợp tác số vào các môn học chính.

Dựa vào hạ tầng công nghệ thông tin hiện có, Nhà trường cung cấp các khóa học, workshop chuyên sâu về các công cụ, nền tảng số hỗ trợ giao tiếp và hợp tác. Nhà trường cần cung cấp nhiều hơn nữa các khóa học trực tuyến, miễn phí với nội dung phong phú, đa chiều về giao tiếp và hợp tác. Các khóa học này cần được thiết kế theo hướng chú trọng vào trang bị kiến thức và thực hành từng tiêu chuẩn về giao tiếp và hợp tác trong môi trường số. Chẳng hạn, những vấn đề liên quan đến pháp luật, đặc biệt là Luật An ninh mạng, Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số; Tính đa dạng, thể mạnh và những góc khuất của các nền tảng số; Những kiến thức và tình huống nảy sinh về

quy tắc cộng đồng; Thái độ và trách nhiệm của cá nhân khi tham gia vào môi trường số, Những tri thức này sẽ giúp cho sinh viên hiểu về quyền lợi và trách nhiệm của mình, của người khác khi tham gia vào môi trường số, biết bảo vệ bản mình và người thân, có góc nhìn đầy đủ, đa dạng khi đánh giá và phân tích thông tin trong môi trường số.

Nhà trường cũng cần xây dựng thêm các không gian làm việc nhóm, phòng học ảo, phòng thực hành số cho sinh viên. Tổ chức các khoá tập huấn, hội thảo, diễn đàn, ... để chia sẻ về văn hoá trực tuyến, tạo điều kiện cho các nhóm sinh viên có cơ hội tiếp xúc, giao lưu, tìm hiểu về văn hoá giữa các vùng miền, các quốc gia.

Những năm qua, các sân chơi thực tế trong Trường đã phần nào giúp sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác. Tuy nhiên, khi tham gia vào môi trường số, một bộ phận sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng đã bộc lộ những hạn chế về nhận thức và hành vi về giao tiếp, hợp tác. Vì vậy, dựa vào các khung năng lực số hiện có, đặc biệt là Khung năng lực số của UNESCO, Nhà trường cần xây dựng và ban hành khung năng lực số với các tiêu chí cụ thể về năng lực giao tiếp và hợp tác phù hợp với đặc thù của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng; Đồng thời, xem đây là một trong các tiêu chí mà sinh viên cần phải đáp ứng ở một mức độ nhất định trước khi tốt nghiệp.

Ngoài ra, Nhà trường cần cải tiến, cập nhật nội dung các khoá học về phương pháp xây dựng hình ảnh, thương hiệu cá nhân trên môi trường số. Điều này giúp sinh viên có kỹ năng “chăm sóc” bản thân trên môi trường số, định vị, phát triển bản thân và thành công hơn trong tương lai.

Về phía sinh viên:

Sinh viên cần chủ động, tích cực rèn luyện thói quen đọc kỹ và hiểu rõ tiêu chuẩn cộng đồng khi tham gia vào môi trường số. Nguyên tắc cộng đồng là một bộ tiêu chuẩn về những điều được và không được phép làm trên một nền tảng mạng xã hội nhất định. Các nguyên tắc này được xây dựng dựa trên phản hồi từ cộng đồng người dùng, lời khuyên của các chuyên gia về công nghệ, an toàn và nhân quyền. Bên cạnh đó, cần phát huy tính tích cực và trách nhiệm của công dân số, nhắc nhở người thân, cộng đồng trong việc tuân thủ các quy định chung trong môi trường số.

Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, hoạt động phục vụ cộng đồng. Thực tế cho thấy, tham gia vào các sân chơi, môi trường trải nghiệm, hoạt động cộng đồng, ... cũng chính là tham gia vào các mối quan hệ, tiếp xúc, hợp tác với những cá nhân có tính cách, thể giới quan khác nhau. Môi trường phong phú, sinh động và hết sức phức tạp ấy cũng chính là môi trường giao tiếp đa dạng nhất để sinh viên thấu hiểu, đồng cảm và tôn trọng lẫn nhau. Sự thấu hiểu, tôn trọng trong thế giới thực là nền tảng thực tiễn để thực hành năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hiện nay, với sự phổ biến của các công cụ số, giao tiếp và hợp tác trong môi trường số được coi là một trong các kỹ năng cốt lõi để học tập, làm việc và chung sống của công dân.

UNESCO đã xây dựng Khung năng lực toàn cầu về năng lực số với 7 lĩnh vực. Trong đó, giao tiếp và hợp tác là năng lực tương tác, giao tiếp và cộng tác thông qua công nghệ kỹ thuật số đồng thời nhận thức được văn hóa và sự đa dạng thể hệ. Tham gia vào xã hội thông qua các dịch vụ kỹ thuật số công cộng và tư nhân và quyền công dân có sự tham gia. Quản lý danh tính và danh tiếng kỹ thuật số.

Trong lĩnh vực Giao tiếp và hợp tác, sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng đã đáp ứng được các năng lực thành phần ở mức khá: Biết chọn lựa ứng dụng phù hợp với mục đích, nhu cầu; Biết ứng dụng công cụ số trong học tập và công việc; Chủ động tiếp nhận và chia sẻ thông tin trong các nhóm/cộng đồng trực tuyến mà sinh viên là thành viên; Ý thức tốt trách nhiệm cá nhân trong ứng xử trực tuyến và bắt đầu biết thiết lập và quản lý hồ sơ cá nhân trong môi trường số. Bên cạnh đó, năng lực giao tiếp và hợp tác của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng vẫn còn những “vùng trũng”, cần được trang bị và cải thiện.

Nhà trường có trách nhiệm cung cấp các chương trình, khoá học, đội ngũ giảng viên và tạo môi trường phù hợp để sinh viên rèn luyện, thực hành kỹ năng giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.

Bài báo khuyến nghị tới lãnh đạo và sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng các giải pháp chủ yếu: Xây dựng các tiêu chí về năng lực số, trong đó có năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số phù hợp với đặc thù của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng và xem như là một tiêu chuẩn bắt buộc trong đánh giá sinh viên; Thường xuyên tổ chức các khoá học trực tuyến, miễn phí, được thiết kế theo hướng chú trọng vào từng tiêu chuẩn về giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, nhằm trang bị cho sinh viên năng lực giao tiếp và hợp tác khi tham gia vào môi trường số; Tổ chức các khoá tập huấn, hội thảo, diễn đàn, ... để chia sẻ về văn hoá trực tuyến; Cải tiến hơn nữa các khoá tập huấn cho sinh viên về phương pháp xây dựng hình ảnh, thương hiệu cá nhân trên môi trường số; Sinh viên cần chủ động, tích cực rèn luyện thói quen đọc kỹ và hiểu rõ tiêu chuẩn cộng đồng khi tham gia vào môi trường số; Tham gia các hoạt động cộng đồng và coi đó là môi trường để rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác trên cơ sở thấu hiểu và tôn trọng sự khác biệt. Những giải pháp này sẽ góp phần cải thiện năng lực giao tiếp và hợp tác của sinh viên, giúp sinh viên thành công hơn cho các giai đoạn phát triển tiếp theo trong cuộc đời của họ.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Bank Group. Taking Stock: Digital Vietnam – The Path to Tomorrow (Vietnamese). Truy xuất từ Reports archive. Link: <http://documents.worldbank.org/curated/en/259751629470978457>. (Truy cập tháng 01/2025).
- [2] Cameron A, Pham T H, Atherton J, Nguyen D H, Nguyen T P, Tran S T, Nguyen T N, Trinh H Y & Hajkowicz S. Vietnam’s future digital economy – Towards 2030 and 2045: Summary report. CSIRO, Brisbane. 2019.
- [3] Manpower. Thực trạng và nhu cầu kỹ năng của lao động trong các ngành công nghiệp chế biến chế tạo tại các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023. Truy xuất từ Reports archive. Link: <https://manpower.com.vn/vi/blog/2021/07/thuc-trang-va-nhu-cau-ky-nang-cua-lao-dong-trong-cac-nganh-cong-nghiep-che>

bien-che-cao-tai-cac-doanh-nghiep-fdi-o-viet-nam-giai-doan-2021-2023?source=google.com. (Truy cập tháng 01/2025).

[4] Ngân hàng thế giới. Giáo dục để tăng trưởng. Truy xuất từ Reports archive. Link: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099414208052222779/pdf/IDU0eaed6ae20abaf044e30966a053a65be11549.pdf> (Truy cập tháng 01/2025).

[5] Council of Australian University Librarians, Digital Dexterity Framework. **2023**.

[6] A. Ferrari, DIGCOMP: A framework for developing and understanding digital competence in Europe, Luxembourg, European Union. **2013**.

[7] British Columbia's Ministry of Education, BC's Digital Literacy Framework, Information Technology Policy's Digital Literacy Task Force, American Library Association. (**2013**), pp.1-11

[8] D. Belshaw, The Essential Elements of Digital Literacies, Selfpublished. **2014**.

[9] UNESCO, A Global Framework of Reference on

Digital Literacy Skills for Indicator 4.4.2. **2018**.

[10] Lê Anh Vinh và Cộng sự, Xây dựng khung năng lực số cho học sinh phổ thông Việt Nam, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*. **2021**. 1, pp.1-11.

[11] Đỗ Văn Hùng & Cộng sự, Năng lực số, Đại học Quốc gia Hà Nội, **2022**.

[12] Huang, M. Cross-Cultural Communication in the Digital Era: Insights from Social Media Interactions. Lecture Notes in Education Psychology and Public Media. **2024**. 54, pp.23-29.

[13] Phạm Văn Tuấn, Năng lực Giao tiếp của Sinh Viên Trường Đại học Trà Vinh, *Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*. **2015**. 8, pp. 44-48.

[14] Luca Botturi. Digital and media literacy in pre-service teacher education: A case study from Switzerland. *Nordic Journal of Digital Literacy*. **2019**. 14, pp.147-163

[15] İlknur Reisoğlu & Ayça Çebi. How can the digital competences of pre-service teachers be developed? Examining a case study through the lens of DigComp and DigCompEdu, *Computers & Education*. **2020**. 156, 103940.